

Bản án số: 63 /2023/HSST
Ngày 06 tháng 07 năm 2023

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thu Hà

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Vinh - Cán bộ hưu
2. Ông Chu Quốc Đạt- Cán bộ hưu

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà: Ông Bùi Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, Toà án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 61/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 06 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐ XX ST- HS ngày 23/06/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đồng Quang T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức địa chính xã N (đã thôi việc từ 09/02/2023); Trình độ học vấn: 12/12. Là Đảng viên ĐCS Việt Nam (đã khai trừ ngày 21/10/2022). Bố đẻ: Đồng Quang H, sinh năm 1964; Mẹ đẻ: Vũ Thị L, sinh năm 1965. Vợ: Trương Thị T, sinh năm 1988. Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2023, đến ngày 23/06/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1930

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Vũ Thị S, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh bắc Giang.

4. Ông Bùi Văn N, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện L, tỉnh bắc Giang.

5. Chị Phan Thị V, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm M, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Phan Văn M, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang

(Toàn bộ những người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang tiếp nhận kiến nghị khởi tố của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã N, huyện Lạng Giang về việc qua kiểm tra đã phát hiện Đồng Quang T, sinh năm 1986, trú tại thôn H, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang là công chức địa chính, nông nghiệp, xây dựng, môi trường xã N khi thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho UBND xã N lập hồ sơ đăng ký biến động về việc phân chia di sản thừa kế của hộ gia đình bà Vũ Thị S, sinh năm 1961 ở thôn D, xã N, huyện L vào thời điểm tháng 02/2020 trái quy định, có dấu hiệu của tội phạm. Sau khi tiếp nhận kiến nghị, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang đã T hành điều tra, xác minh, kết quả xác định được như sau:

Hộ gia đình ông Phan Văn M, sinh năm 1961 ở thôn D, xã N, huyện Lạng Giang được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số A380135 ngày 23/9/1991 tại thửa đất số 199, tờ bản đồ số 13, diện tích 473m² đất thổ cư, địa chỉ thửa đất tại thôn D, xã N, huyện Lạng Giang. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, hộ gia đình ông Phan Văn M có 04 thành viên gồm: ông M, bà Vũ Thị S, sinh năm 1961 (vợ ông M); anh Phan Văn M, sinh năm 1985 (con trai ông M và bà S), cùng trú tại thôn D, xã N, huyện Lạng Giang; chị Phan Thị Vui, sinh năm 1983, hiện ở xóm M, xã An Hà, huyện Lạng GiAg (con gái ông M và bà S). Năm 2004 ông M chết không để lại di chúc, đến ngày 01/8/2013 thửa đất trên được đo đạc và cấp lại GCNQSDĐ số BP855088, vào sổ số CH 04358 tại thửa số 457, tờ bản đồ số 26, diện tích 465,9m² (đất ở 360m², đất trồng cây 105,9m²) mAg tên hộ bà Vũ Thị S (sau đây gọi tắt là thửa đất số 457).

Ngày 04/4/2016, hộ gia đình bà S và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1930 (mẹ ông Mừng) thống nhất lập văn bản phân chia di sản thừa kế, theo đó bà Đ, bà S, chị Vui tự nguyện nhường cho Ah Mạnh được sở hữu quyền sử dụng đất thửa đất số 457. Văn bản phân chia di sản thừa kế đã được lập vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 04/4/2016 tại UBND xã N và được ông Bùi Văn Nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã N chứng thực. Sau đó, T là người trực tiếp hướng dẫn các thủ tục hành chính để đăng ký biến động thửa đất cho Ah M và nộp hồ sơ đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng GiAg. Tuy nhiên do hồ sơ chưa đầy đủ giấy tờ nên ngày 04/5/2016 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng GiAg đã trả lại hồ sơ cho công dân để bổ sung tài liệu (Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai không lưu phiếu trả hồ sơ nên không xác định được bổ sung những giấy tờ gì).

Khoảng đầu tháng 02/2020 chị Vui và bà S đến UBND xã N nhờ Tiến làm thủ tục thay đổi quyền thừa kế thửa đất số 457 từ Ah M sAg chị Vui, T đồng ý và nhận của chị Vui số tiền 500.000 đồng. T tự mình lập hồ sơ đăng ký biến động về đất đai, tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 457 thay đổi quyền thừa kế từ Ah M sAg cho chị Vui mà không được sự đồng ý của Ah M và bà Định. Để sAg tên được cho chị Vui, trong hồ sơ cần có 02 văn bản thể hiện ý chí của những người đồng sở hữu quyền sử dụng đất thửa số 457 (gồm bà S, chị Vui, Ah M) và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M (gồm bà S, chị Vui, Ah M, bà Định) n T không hỏi ý kiến của Ah M và bà Định mà tự ý soạn thảo Văn bản phân chia di sản thừa kế và Văn bản phân chia tài sản chung của hộ gia đình cùng đề ngày 07/02/2020, với nội dung: Bà S, chị Vui, Ah Mạnh thống nhất chuyển quyền thừa kế, quyền sử dụng đất thửa số 457 trở thành tài sản riêng của chị Vui. Trong 02 văn bản này T đã tự mình ký giả tất cả các chữ ký của Ah M, bà S và chị Vui, sau đó tiếp tục ký giả mạo chữ ký của ông Nguyễn Văn Khương - Chủ tịch UBND xã N tại phần “người thực hiện chứng thực” rồi lấy dấu Quốc huy của UBND xã N và dấu chức dAh của ông Khương đóng dấu chứng thực vào 02 văn bản trên, T không vào sổ theo dõi chứng thực tại UBND xã N. Khi lập hồ sơ T không đưa đầy đủ thành phần hàng thừa kế thứ nhất của ông M (thiếu bà Định), không thông báo cho Ah M biết việc thay đổi quyền thừa kế. Sau khi giả mạo các tài liệu trên, T hoàn thiện hồ sơ gửi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Gi Ag để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất số 457 cho chị Vui. Trong thời giA chờ kết quả giải quyết, T gặp chị Vui và thông báo hồ sơ đã được gửi đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Gi Ag thì chị Vui đưa thêm cho Tiến số tiền 500.000 đồng. Ngày 08/4/2020 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Gi Ag đã đăng ký biến động, chuyển quyền sử dụng đất thửa số 457 từ hộ gia đình bà S thành tài sản riêng của chị Vui.

Năm 2022, Ah M phát hiện thửa đất số 457 được sAg tên thành tài sản riêng của chị Vui mà không được sự đồng ý của mình nên Ah M đã kiến nghị, phản ánh đến UBND xã N. Ủy bA kiểm tra Đảng ủy xã N T hành kiểm tra, phát hiện hành vi vi phạm của T có dấu hiệu tội phạm nên đã có văn bản kiến nghị khởi tố và chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quA đến Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A huyện Lạng GiAg để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 16/12/2022, Cơ quA điều tra thu giữ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng GiAg toàn bộ hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất thửa số 457 cho chị Vui vào năm 2020, trong đó có: Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ gia đình bà Vũ Thị S đề ngày 07/02/2020 (bản gốc); Văn bản phân chia di sản thừa kế thửa đất số 457 đề ngày 07/02/2020 (bản gốc). Cùng ngày, Cơ quA điều tra thu giữ tại UBND xã N hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất thửa số 457 cho Ah M vào năm 2016 trong đó có Văn bản phân chia di sản thừa kế thửa đất số 457 đề ngày 04/4/2016 (bản gốc).

Tại Kết luận giám Đ số 22/KL-KTHS ngày 06/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Bắc Gi Ag kết luận về chữ viết, chữ ký trên các tài liệu mà Đồng QuAg T giả mạo như sau:

- Trong 02 tài liệu là Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ gia đình và Văn bản phân chia di sản thừa kế cùng đề ngày 07/02/2020: Chữ ký và chữ viết của bà Vũ Thị S, chị PhA Thị Vui, Ah PhA Văn M và Chủ tịch UBND xã N ông Nguyễn Văn Khương đều là do Đồng QuAg T ký, viết ra. Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D xã N H.Lạng GiAg T.Bắc GiAg” trong 02 văn bản trên là do con dấu của UBND xã N đóng ra.

- Trong Văn bản phân chia di sản thừa kế đề ngày 04/4/2016: Chữ ký và chữ viết của bà Vũ Thị S, chị PhA Thị Vui, Ah PhA Văn M và Phó Chủ tịch UBND xã N ông Bùi Văn Nguyên đều là do những người này ký, viết ra. Hình dấu tròn có nội dung “U.B.N.D xã N H.Lạng GiAg T.Bắc GiAg” trong văn bản trên là do con dấu của UBND xã N đóng ra.

Quá trình điều tra, Ah M và bà Định khai không được thông báo về việc phân chia thửa đất số 457 vào năm 2020; Ah M và bà Định chỉ đồng ý để Ah M là người được nhận quyền thừa kế thửa đất số 457, không đồng ý chuyển quyền sử dụng thửa đất cho chị Vui, việc T giả mạo chữ ký để chuyển quyền sử dụng đất sAg tên chị Vui là trái ý chí và ảnh hưởng đến quyền lợi của Ah M và bà Định. Bà S và chị Vui khai vào năm 2016 đã thống nhất cho Ah M được sở hữu quyền sử dụng đất thửa đất số 457 n đến năm 2020 muốn thay đổi sAg cho chị Vui, Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ gia đình và Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/02/2020 không phải do bà S và chị Vui ký n là đúng ý chí của 02 người. Chủ tịch UBND xã N - ông Nguyễn Văn Khương khai văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của hộ gia đình bà S và Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 07/02/2020 thì ông không được biết nội dung như thế nào, Tiến không trình ông ký chứng thực 02 văn bản này, chữ ký trên 02 văn bản này không phải của ông nên là trái quy định pháp luật, việc T giả mạo chữ ký ông thế nào ông không biết.

Quá trình điều tra xác định T chỉ được giao nhiệm vụ hướng dẫn công dân thực hiện các công việc liên quA đến đất đai, không được giao nhiệm vụ chứng thực các văn bản. Việc chứng thực thuộc trách nhiệm của cán bộ tư pháp.

Ngày 26/12/2022, Đồng QuAg T tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng nhận của chị Vui. Ngày 15/02/2023, Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A huyện Lạng GiAg T hành bắt bị cáo để tạm giam đối với Đồng QuAg T, thu giữ của T 01 điện thoại di động Remi, số IMEI 1: 868588050967442/00, số IMEI2: 868588050967459/00, lắp sim số 0326954511 (BL 25).

Về vật chứng thu giữ: Các giấy tờ, tài liệu liên quA đến thửa đất số 457 được lưu trong hồ sơ vụ án; số tiền 1.000.000 đồng T hưởng lợi và 01 điện thoại di động

thu giữ của T khi bắt tạm giam, Cơ quan điều tra chuyển để giải quyết cùng vụ án.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 61 /CT- VKS ngày 01 / 6 /2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố Đồng Quang T về tội "Giả mạo trong công tác", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và trình bày: Các bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật, việc bị cáo phạm tội là do nể nang, quá tin tưởng vào người khác, không có mục đích vụ lợi. Bị cáo có ông nội là liệt sĩ và gia đình bị cáo đã thờ cúng liệt sĩ. Bị cáo đã nhận ra lỗi lầm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000đồng sau khi làm xong thủ tục được cảm ơn.

Người liên quan vắng mặt tại phiên tòa vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai tại cơ quan điều tra.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày bản luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Đồng Quang T và đề nghị Hội đồng xét xử:

- 1, Tuyên bố bị cáo Đồng Quang T phạm tội "Giả mạo trong công tác"
- 2, Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đồng Quang T 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/07/2023).

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Điều 41, khoản 5 Điều 359 Bộ luật hình sự cấm bị cáo Đồng Quang T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong các lĩnh vực địa chính, nông nghiệp, xây dựng, môi trường trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự không đề nghị giải quyết.

Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền : 1.000.000đồng

Trả lại bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu “Redmi” có số IMEI1: 868588050967442/00, số IMEI1: 868588050967459/00, bên trong có lắp 01 sim Viettel số thuê bao là 0326954511.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, tính tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đều hợp pháp.

Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi, N vụ liên quan. Hội đồng xét xử thấy rằng những người này đều đã được triệu tập hợp lệ; những người này đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã có trong hồ sơ vụ án, và không có yêu cầu bổ sung nào khác. Xét thấy sự vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử quyết định T hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan, người làm chứng theo quy định.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người liên quan tại cơ quan điều tra, biên bản giám định, cũng như vật chứng đã thu hồi, nên có đủ cơ sở để xác định: Đồng QuAng T là công chức địa chính, nông nghiệp, xây dựng, môi trường xã N không được giao nhiệm vụ thực hiện việc chứng thực tại UBND xã N. Khoảng tháng 02/2020, sau khi được bà Vũ Thị S và chị PhA Thị Vui nhờ, vì vụ lợi Đồng QuAng T đã tự lập Văn bản phân chia di sản thừa kế và Văn bản phân chia tài sản chung của hộ gia đình cùng đề ngày 07/02/2020, với nội dung các thành viên trong hộ gia đình thống nhất chuyển quyền thừa kế, quyền sử dụng đất thửa số 457 trở thành tài sản riêng của chị Vui, trái ý chí của Ah PhA Văn M và bà Lê Thị Định. Sau khi lập, T đã tự ký giả chữ ký của bà Vũ Thị S, chị PhA Thị Vui và Ah PhA Văn M vào 02 tài liệu trên, sau đó tiếp tục ký giả mạo chữ ký của ông Nguyễn Văn Khương - Chủ tịch UBND xã N để ký chứng thực rồi tự ý lấy dấu Quốc huy của UBND xã N và dấu chức danh của ông Khương đóng dấu vào 02 tài liệu trên, rồi hoàn thiện hồ sơ gửi Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Gi Ag làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sAg tên cho chị Vui trái pháp luật. Tổng số tiền Đồng QuAng T hưởng lợi từ việc giả mạo trên được xác định là 1.000.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đồng QuAng T đã đủ yếu tố để cấu thành tội "Giả mạo trong công tác" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát huyện Lạng GiAg truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức, làm cho cơ quan, tổ chức bị mất lòng tin, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào các hoạt động của cơ quan Nhà nước, gây ảnh hưởng đến tình hình chính trị, xã hội tại địa phương. Do đó cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự,

để giáo dục cải tạo bị cáo, đồng thời cũng là bài học sâu sắc trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm trong các cơ quan, tổ chức.

[4]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội quá trình điều tra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi, gia đình bị cáo có công với cách mạng ông nội là liệt sĩ, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đồng Quang T là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ (01 tình tiết tại khoản 1 và 02 tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự), có nơi cư trú rõ ràng, trước khi phạm tội bị cáo chấp hành tốt các quy định pháp luật tại địa phương, chưa vi phạm bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào, bị cáo có ông nội là liệt sĩ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, cho bị cáo một cơ hội để tự cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật của nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam như đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Điều 41, khoản 5 Điều 359 Bộ luật hình sự cấm bị cáo Đồng Quang T cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong các lĩnh vực địa chính, nông nghiệp, xây dựng, môi trường trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Về nội dung ngày 08/4/2020 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Giang đã đăng ký biến động , tại phần IV Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận đối với Giấy chứng nhận QSD đất số BP 855088, số vào sổ cấp GCN: CH 04358 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 01/08/2013 cho hộ bà Vũ Thị S, sinh năm 1961, địa chỉ Thôn D, xã N , huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, với nội dung: Để thừa kế và phân chia tài sản chung của hộ gia đình cho bà Phạm Thị Vui, sinh năm 1983, địa chỉ thường trú thôn 1, xóm M, xã A Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hồ sơ số 07381 T K – TQ. 024 do giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Giang ông Phạm Vũ Đông xác nhận, do việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không đúng quy định và không đúng ý chí của những người liên quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, nên kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang hủy nội dung tại phần IV: Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận đối với Giấy chứng nhận QSD đất số BP 855088, số vào sổ cấp GCN: CH 04358 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 01/08/2013 cho hộ bà Vũ Thị S.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền 1.000.000đồng bị cáo được nhận khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện nộp lại cơ quan điều tra cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu “Redmi” có số IMEI1: 868588050967442/00, số IMEI1: 868588050967459/00, bên trong có lắp 01 sim Viettel số thuê bao là 0326954511 không liên quan đến hành vi phạm tội, nạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[8]. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng pháp luật và hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 359; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Đồng Quang T 03 (ba) năm tù về tội “ Giả mạo trong công tác” nạm hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/7/2023).

Giao bị cáo Đồng Quang T cho Ủy ban nhân dân xã N Hoà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Đối với bị cáo được hưởng án treo trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm Nụ vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Đồng Quang T cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến hành vi phạm tội trong các lĩnh vực địa chính, nông nghiệp, xây dựng, môi trường trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang hủy nội dung tại phần IV: Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận đối với Giấy chứng nhận QSD đất số BP 855088, số vào sổ cấp GCN: CH 04358 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 01/08/2013 cho hộ bà Vũ Thị S.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đồng.

Trả lại bị cáo 01 điện thoại nhãn hiệu “Redmi” có số IMEI1: 868588050967442/00, số IMEI1: 868588050967459/00, bên trong có lắp 01 sim Viettel số thuê bao là 0326954511, n tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi N vụ liên quA vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAD tỉnh Bắc GiAg.
- VKSND tỉnh Bắc GiAg
- VKSND H. Lạng GiAg.
- Công A H. Lạng GiAg.
- Chi cục THADS H. Lạng GiAg.
- Sở tư pháp.
- UBND xã N hoà.
- Sở TN và MT tỉnh Bắc GiAg
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, VP.

Lê Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T/M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc GiAg
- VKS thành phố Bắc GiAg;
- Công A thành phố Bắc GiAg;
- Chi Cục THA thành phố Bắc GiAg;
- Bị cáo, những ng- ời tham gia tố tụng
- L- u HS, VP